

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý II năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý II.2021	Quý II.2020	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,727,575,697,560	1,107,377,237,426	620,198,460,134	56.01
11	Giá vốn hàng bán	1,181,398,610,776	778,679,367,767	402,719,243,009	51.72
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	546,177,086,784	328,697,869,659	217,479,217,125	66.16
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18,316,321,841	9,630,630,345	8,685,691,496	90.19
22	Chi phí tài chính	16,916,628,254	5,341,855,142	11,574,773,112	216.68
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	9,513,206,329	12,884,068,088	(3,370,861,759)	(26.16)
25	Chi phí bán hàng	44,725,572,896	21,141,429,841	23,584,143,055	111.55
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,768,182,572	16,289,093,638	(9,520,911,066)	(58.45)
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	496,083,024,903	295,556,121,383	200,526,903,520	67.85
31	Thu nhập khác	341,690,740	374,023,010	(32,332,270)	(8.64)
32	Chi phí khác	1,830,540,925	1,534,546,262	295,994,663	19.29
40	Lợi nhuận khác	(1,488,850,185)	(1,160,523,252)	(328,326,933)	28.29
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	494,594,174,718	294,395,598,131	200,198,576,587	68.00
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	77,875,020,626	48,035,468,249	29,839,552,377	62.12
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	416,719,154,092	246,360,129,882	170,359,024,210	69.15



II. Nguyên nhân biến động

Năm 2021, Công ty đã có những quyết sách kịp thời để vượt qua nghịch cảnh, tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong Quý II/2021.

Cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 620,198,460,134 đồng (56.01%), do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra tăng.
2. Giá vốn bán hàng tăng 402,719,243,009 đồng (51.72%), Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 217,479,217,125 đồng (66.16%). Tốc độ tăng lợi nhuận gộp nhanh hơn so với tốc độ tăng doanh thu bán hàng do Công ty thực hiện tốt các biện pháp quản trị chi phí.
3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 8,685,691,496 đồng (90.19%) chủ yếu do:
 - Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 2,058,295,609 đồng
 - Lãi chênh lệch tỷ giá tăng: 6,628,390,387 đồng
4. Chi phí tài chính tăng 11,574,773,112 đồng (216.68%) do:
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng: 14,945,634,871 đồng
 - Chi phí lãi vay giảm: 3,370,861,759 đồng
5. Chi phí bán hàng tăng 23,584,143,055 đồng (111.55%) do doanh thu hàng bán tăng lên, trong đó:
 - Chi phí vật liệu, dụng cụ cho bán hàng tăng 4,721,237,891 đồng
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tăng 21,097,961,362 đồng
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,520,911,066 đồng (58.45%) chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài giảm.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 200,198,576,587 đồng (68.00%), lợi nhuận sau thuế tăng 170,359,024,210 đồng (69.15 %) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

